

Số: 62 /2026/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 28 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2703/TTr-SKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 35/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2018 ban hành quy định tổ chức thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 48/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 ban hành quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tổ chức thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Lai Châu; số 56/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 ban hành quy định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 57/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 ban hành quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thì thực hiện theo hướng dẫn của các văn bản đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các văn bản quy định có hiệu lực tại thời điểm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được phê duyệt.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo Quy định này.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VP UBND tỉnh: V, CB;
- Lưu: VT, Vx3;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tổng Thanh Hải

QUY ĐỊNH

**Quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu**
(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2026 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Quy định quản lý các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giải quyết các vấn đề về khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 7 Điều 10, khoản 8 Điều 12, khoản 8 Điều 16, khoản 5 Điều 17 và khoản 3 Điều 23 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Phân cấp thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ, và đổi mới sáng tạo

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Chương II
NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 4. Trình tự, nội dung thực hiện thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Định kỳ hoặc đột xuất Sở Khoa học và Công nghệ thông báo định hướng đặt hàng gửi các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh để nghiên cứu, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý phù hợp với ngành, lĩnh vực gửi đề xuất đến Sở Khoa học và Công nghệ thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính; Phiếu đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Biểu mẫu BM-01-PĐHNV, BM-02-PĐHCNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức việc tiếp nhận, tổng hợp các đặt hàng theo từng nhóm lĩnh vực và tổ chức lấy ý kiến Tổ chuyên gia tư vấn đặt hàng.

4. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng phù hợp, thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký phải đảm bảo đủ thời gian để các tổ chức, cá nhân chuẩn bị, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu.

Điều 5. Trình tự xét tài trợ, đặt hàng, thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành xét tài trợ, đặt hàng, thẩm định kinh phí nhiệm vụ theo quy định tại Điều 12 Nghị định 267/2025/NĐ-CP và khoản 3 Điều 5 Thông tư 36/2025/TT-BKHCN.

2. Quy định về Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP có từ 07 đến 09 thành viên, gồm: Chủ tịch hội đồng, Phó Chủ tịch hội đồng, 02 ủy viên là chuyên gia phản biện và các ủy viên khác. Thành phần của Hội đồng bao gồm các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh, đại diện tổ chức đặt hàng (nếu có), đại diện đơn vị dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ (nếu có);

b) Nguyên tắc làm việc của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng

b1) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, dân chủ, khách quan, minh bạch, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các thành viên thảo luận công khai về nội dung được giao tư vấn. Ý kiến của các thành viên và kiến nghị của Hội đồng phải được lập thành văn bản. Các thành viên chịu trách nhiệm về ý kiến của mình;

b2) Phiên họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền và các chuyên gia phản biện;

b3) Hội đồng bầu 01 ủy viên không phải là chuyên gia phản biện làm thư ký khoa học ngay tại phiên họp để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản phiên họp của Hội đồng;

b4) Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học tổng hợp để Hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi có ít nhất 3/4 số thành viên tham dự họp thống nhất. Thành viên có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Hội đồng;

b5) Giúp việc cho Hội đồng có thư ký hành chính là người do Sở Khoa học và Công nghệ phân công. Thư ký hành chính có trách nhiệm tổng hợp kết quả phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng và thực hiện các nội dung hành chính khác có liên quan;

b6) Hội đồng họp trực tiếp hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

c) Trình tự làm việc của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng

c1) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu đại biểu tham dự và thông báo tóm tắt chương trình làm việc của Hội đồng;

c2) Chủ tịch hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch hội đồng được ủy quyền) điều hành phiên họp, thống nhất nguyên tắc và chương trình làm việc của Hội đồng;

c3) Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 03 ủy viên thuộc Hội đồng, trong đó có 01 trưởng ban;

c4) Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ trình bày tóm tắt trước Hội đồng các nội dung của nhiệm vụ;

c5) Đại diện cơ quan, đơn vị liên quan phát biểu ý kiến về nhiệm vụ (trường hợp cần thiết);

c6) Các thành viên trình bày ý kiến nhận xét hồ sơ nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-03-PNXNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này; nhận xét hồ sơ cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-04-PNXCNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này; thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có);

c7) Hội đồng thảo luận kín (trường hợp cần thiết);

c8) Các thành viên đánh giá, chấm điểm theo tiêu chí và thang điểm quy định tại phiếu đánh giá nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-05-PĐGNV, Phiếu đánh giá cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-06-PĐGCNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này;

c9) Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Hội đồng, lập biên bản kiểm phiếu theo Biểu mẫu BM-07-BBKP và Bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu đánh giá hồ sơ theo Biểu mẫu BM-08-KQKP tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này;

c10) Thư ký khoa học lập Biên bản họp Hội đồng theo Biểu mẫu BM-09-BBHD tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này;

c11) Hội đồng xem xét, thông qua Biên bản họp Hội đồng;

c12) Trường hợp thành viên Hội đồng tham gia cuộc họp bằng hình thức trực tuyến có trách nhiệm gửi phiếu nhận xét và phiếu đánh giá bản điện tử tới thư ký hành chính trong cuộc họp để tổng hợp và bản giấy sau phiên họp 01 ngày.

d) Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng kiến nghị tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đủ điều kiện thực hiện

nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi đáp ứng điều kiện sau: Có hồ sơ được Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng đánh giá đạt tổng số điểm trung bình cao nhất trong số các hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên. Đối với các hồ sơ có điểm trung bình bằng nhau thì lấy theo thứ tự ưu tiên như sau:

- d1) Ưu tiên hồ sơ có kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước thấp nhất;
- d2) Ưu tiên hồ sơ có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước cao nhất;
- d3) Các trường hợp không theo quy định tại tiểu điểm d1, d2 điểm này do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định.
- đ) Trên cơ sở biên bản họp hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ gửi Thông báo ý kiến của hội đồng cho tổ chức đề xuất trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản họp hội đồng.

e) Tổ chức đề xuất thực hiện việc xem xét, tiếp thu ý kiến của Hội đồng, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến theo Biểu mẫu BM-13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 36/2025/TT-BKHCN và bổ sung dự toán kinh phí chi tiết theo Biểu mẫu BM-15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 36/2025/TT-BKHCN.

3. Quy định về Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định) do Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP có từ 03 đến 05 thành viên gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, các thành viên có chuyên môn phù hợp với nội dung cần thẩm định, trong đó có ít nhất 01 thành viên có chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính. Giúp việc cho Tổ thẩm định có thư ký hành chính.

b) Tài liệu họp Tổ thẩm định gồm:

- b1) Biên bản họp Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng;
- b2) Thuyết minh nhiệm vụ hoàn thiện theo ý kiến đóng góp của hội đồng xét tài trợ, đặt hàng; Dự toán kinh phí chi tiết (không quá 05 trang);
- b3) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của hội đồng xét tài trợ, đặt hàng;
- b4) Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm, dịch vụ cần thuê để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hiệu lực (nếu có), thời gian báo giá không quá 90 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ

thẩm định kinh phí;

b5) Các tài liệu khác (nếu có).

b6) Thư ký hành chính có trách nhiệm gửi các tài liệu cho thành viên Tổ thẩm định trước phiên họp ít nhất 03 ngày làm việc.

c) Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định

c1) Phiên họp của Tổ thẩm định phải có ít nhất 3/4 số thành viên Tổ thẩm định tham dự, trong đó phải có Tổ trưởng và thành viên có chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính;

c2) Tổ trưởng chủ trì phiên họp của Tổ thẩm định; các thành viên Tổ thẩm định nêu ý kiến thẩm định theo nội dung và tiêu chí quy định;

c3) Các ý kiến của thành viên được thư ký tổng hợp, đưa vào Biên bản thẩm định. Trường hợp có thành viên không thống nhất với kết luận chung và đề nghị bảo lưu ý kiến, Tổ thẩm định báo cáo cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đồng thời đề xuất phương án xử lý;

c4) Tổ thẩm định họp trực tiếp hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

d) Trình tự làm việc của Tổ thẩm định

d1) Thư ký công bố quyết định thành lập Tổ thẩm định;

d2) Tổ trưởng chủ trì phiên họp của Tổ thẩm định;

d3) Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức chủ trì nhiệm vụ báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến theo Biên bản Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ trả lời các câu hỏi của thành viên Tổ thẩm định (nếu có);

d4) Thành viên Tổ thẩm định cho ý kiến nhận xét đối với những nội dung của nhiệm vụ theo kết quả xét duyệt, xét chọn nhiệm vụ và cho ý kiến thẩm định theo Biểu mẫu BM-10-PTĐKP tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này. Đại diện Tổ chức chủ trì có quyền nêu ý kiến giải trình, làm rõ trước khi Tổ thẩm định kết luận chính thức;

d5) Tổ thẩm định hoàn thiện biên bản họp thẩm định theo Biểu mẫu BM-11-BBTĐKP tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này và công bố tại cuộc họp;

d6) Trường hợp thành viên Tổ thẩm định tham gia cuộc họp bằng hình thức trực tuyến có trách nhiệm gửi phiếu thẩm định bản điện tử tới thư ký hành chính trong cuộc họp để tổng hợp và bản giấy sau phiên họp 01 ngày.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả họp Tổ thẩm định theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

e) Tổ chức chủ trì hoàn thiện sau thẩm định kinh phí gửi về Sở Khoa học và Công nghệ thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính trong vòng 07 ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo các tài liệu sau:

e1) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Tổ thẩm định theo Biểu mẫu BM-14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN;

e2) Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã hoàn thiện theo Biểu mẫu BM-15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN.

Điều 6. Đánh giá trong kỳ, điều chỉnh hợp đồng, chấm dứt nhiệm vụ và thanh lý hợp đồng đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Đánh giá trong kỳ

a) Sở Khoa học và Công nghệ và tổ chức chủ trì thực hiện việc đánh giá trong kỳ theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN.

b) Các Biểu mẫu đánh giá trong kỳ được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư 36/2025/TT-BKHCHN.

2. Điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ

a) Sở Khoa học và Công nghệ điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản 6 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN.

b) Biểu mẫu thực hiện điều chỉnh hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN.

3. Chấm dứt thực hiện nhiệm vụ

a) Việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 16 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

b) Công văn đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ của tổ chức chủ trì được thực hiện theo Biểu mẫu BM-24 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 36/2025/TT-BKHCHN.

c) Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo Biểu mẫu BM-25 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 36/2025/TT-BKHCHN.

4. Thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ

a) Việc thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

b) Biên bản thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ được lập theo Biểu mẫu BM-26 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 36/2025/TT-BKHCN.

Điều 7. Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện đánh giá cuối kỳ và đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và khoản 3 Điều 6 Thông tư 36/2025/TT-BKHCN;

2. Hồ sơ đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra

Tổ chức chủ trì chuẩn bị hồ sơ đánh giá và gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hình thức thành lập Tổ chuyên gia

a) Cơ quan quản lý nhiệm vụ thành lập Tổ chuyên gia có từ 05 đến 09 thành viên, gồm: Tổ trưởng, Tổ phó, các thành viên khác và thư ký hành chính giúp việc Tổ chuyên gia.

b) Phương thức đánh giá của Tổ chuyên gia theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

c) Trình tự làm việc của Tổ chuyên gia

c1) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Tổ chuyên gia đánh giá, giới thiệu đại biểu tham dự và thông báo tóm tắt chương trình làm việc;

c2) Tổ trưởng hoặc Tổ phó (được Tổ trưởng ủy quyền) chủ trì điều hành phiên họp và phân công nhiệm vụ cho thành viên trong tổ; bầu một thành viên làm thư ký khoa học ngay tại phiên họp để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản phiên họp của Tổ;

c3) Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức đăng ký chủ trì trình bày tóm tắt tình hình triển khai, kết quả thực hiện nhiệm vụ;

c4) Các thành viên Tổ chuyên gia thảo luận, trao đổi ý kiến đối với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ;

c5) Các thành viên Tổ chuyên gia trình bày ý kiến nhận xét thực hiện nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-12-NXKQ tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này; thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có);

c6) Tổ chuyên gia đánh giá thảo luận kín (nếu cần);

c7) Các thành viên trong tổ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Biểu mẫu tại BM-13-ĐGNV; kết quả thực hiện cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-14-ĐGCNV tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này;

c8) Thư ký khoa học tổng hợp kết quả phiếu đánh giá của các thành viên Tổ chuyên gia vào biên bản kiểm phiếu theo Biểu mẫu BM-15-KPĐG tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

c9) Biên bản họp theo Biểu mẫu BM-16-BBĐG tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này được Tổ chuyên gia thông qua tại phiên họp;

c10) Căn cứ Biên bản họp, Tổ chuyên gia xây dựng báo cáo đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-23 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

4. Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hình thức thuê chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn

a) Báo cáo đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ của chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn thực hiện theo Biểu mẫu BM-23 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

b) Chuyên gia tư vấn độc lập, Tổ chức tư vấn phải chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung kết quả đánh giá và kiến nghị trong báo cáo đánh giá của mình.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 8. Trình tự, thủ tục xây dựng, tổ chức triển khai, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Xây dựng Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh

a) Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là cơ quan đề xuất) căn cứ vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh; nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và hội nhập quốc tế; năng lực, điều kiện nguồn lực và khả năng huy động các nguồn lực xã hội của tỉnh và chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh (sau đây gọi tắt là Chương trình), gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức thẩm định.

b) Hồ sơ đề xuất chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 3 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình theo quy định tại điểm d khoản này, thực hiện thẩm định Chương trình theo các nội dung quy định tại điểm đ khoản này và gửi báo cáo thẩm định Chương trình đến cơ quan đề xuất;

d) Hội đồng thẩm định Chương trình do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập, thành phần gồm từ 09 thành 15 thành viên, bao gồm đại diện các sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường có liên quan (nếu cần) và các chuyên gia có chuyên môn phù hợp.

đ) Nội dung thẩm định bao gồm: tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung, kết quả dự kiến, chỉ tiêu đánh giá; tính khả thi; tính mới; khả năng thương mại hóa và tác động kinh tế - xã hội.

2. Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình

Cơ quan chủ trì quản lý chương trình chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khác của Chương trình.

3. Đánh giá Chương trình

Cơ quan chủ trì quản lý chương trình thực hiện đánh giá Chương trình theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung.

4. Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình

Cơ quan chủ trì quản lý chương trình phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện, kết quả triển khai Chương trình trước ngày 15 tháng 12 hằng năm theo Biểu mẫu BM-04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN./.
